

Số: 32/CBTT-2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính ("BCTC") năm 2025 đã kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

- Mã chứng khoán: GMC
- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ :028-39844822 Fax: 02839844746
- Email: headoffice@garmex.vn Website: <https://www.garmex.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC kiểm toán năm 2025

BCTC riêng ☒

BCTC hợp nhất ☒

- + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC năm 2025

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình:

Có ☒

Không ☐

- + Lợi nhuận sau thuế năm 2025 sau kiểm toán có sự chênh lệch trước kiểm toán từ 5% trở lên.

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình:

Có ☐

Không ☒

- + Lợi nhuận sau thuế tại báo cáo kết quả kinh doanh của năm 2025 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo năm 2024

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình:

Có ☒

Không ☐



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình:

Có ☒

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/03/2026 tại đường dẫn: <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm :**

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán
- Văn bản giải trình số 31/CV-2026

**Đại diện tổ chức**  
**Người đại diện theo pháp luật**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN MINH HẰNG**





Member of MSI Global Alliance

*Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN**

*Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025*



**Tổ chức kiểm toán:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)  
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE  
29 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942**

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	03 - 06
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	07 - 08
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	09 - 12
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	16 - 44





## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025.

### I. CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300742387 đăng ký lần đầu ngày 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 21 mã số doanh nghiệp 0300742387 ngày 29/07/2025 do Sở Tài Chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại ngày 31/12/2025 : 330.002.590.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 : 330.002.590.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, sản xuất.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận xuất khẩu, nhập khẩu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: Công nghiệp dệt vải các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi, bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn, loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở; trừ bán lẻ các sản phẩm như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, kim loại hoặc bằng các vật liệu khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý môi giới các sản phẩm may mặc (trừ bán các sản phẩm như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải);
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của Pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết Quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. Chi tiết: dịch vụ y tế và nha khoa, dịch vụ y tế đa khoa, dịch vụ y tế chuyên khoa;



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ kho bãi (CPC 742);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 7480);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Dịch vụ thuê hoặc cho thuê máy móc thiết bị khác không có người điều hành (CPC 83109);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Giáo dục thể thao và giải trí.

### 4. Mô hình hoạt động

Tên	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a/ Công ty con</b>				
Công ty TNHH Garmex Quảng Nam + Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH May Tân Mỹ + Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Phường Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
<b>b/ Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Phú Mỹ + Địa chỉ: Khu phố Trảng Cát, Phường Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.	27,39%	32,47%	27,39%	32,47%

### c/ Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
Nhà Máy May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường Bình Tây, TP. Hồ Chí Minh
Nhà Máy May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Logistics An Nhơn	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Logistics Hồng Bàng	213 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lỗ sau thuế cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2025 lỗ 23.970.522.360 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2024 lỗ sau thuế là 29.881.480.249 VND).

Lỗ lũy kế tại thời điểm 31/12/2025 là 127.812.697.660 VND (Tại thời điểm 31/12/2024 lỗ lũy kế là 103.842.175.300 VND).

## III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Hùng  
Ông Phạm Văn Tàu  
Ông Bùi Minh Tuấn

Chủ tịch  
Thành viên (bổ nhiệm ngày 28/04/2025)  
Thành viên



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ông	Trần Nguyễn Anh Minh	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Diễm My	Thành viên

### Ban Giám đốc

Bà	Nguyễn Minh Hằng	Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
----	------------------	---------------------------------------

### Ban Kiểm soát

Ông	Từ Vĩ Trí	Trưởng ban
Bà	Trần Thị Thu Yến	Kiểm soát viên
Ông	Mai Thanh Tol	Kiểm soát viên

### Đại diện pháp luật

Bà	Nguyễn Minh Hằng
----	------------------

### Kế toán trưởng

Bà	Trần Thị Mỹ Hạnh
----	------------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công Ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

### V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công Ty.

### VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2025, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025.



Lê Văn Hùng



Nguyễn Minh Hằng





Số: 275/BCKT/TC/2026/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn được lập ngày 24/03/2026, từ trang 09 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Đến ngày 31/12/2025, trị giá hàng gia công cho khách hàng là 121.907.164.547 đồng được Công ty lưu giữ, bảo quản tại kho của Công ty chưa được khách hàng nhận hàng và thanh toán. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tài chính cho hàng gia công và đi gia công là 13.811.959.237 đồng. Với những thủ tục và bằng chứng kiểm toán hiện có, Chúng tôi không thể đánh giá được khả năng thu hồi và giá trị cần phải trích lập dự phòng cũng như ảnh hưởng của nó tới các khoản mục liên quan.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2026  
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam



Phó Tổng Giám đốc

Lê Đình Ái

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3770-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Tuyết

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0624-2023-142-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>177.235.424.199</b>	<b>187.315.471.035</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>13.360.524.006</b>	<b>78.791.314.690</b>
1. Tiền	111		5.687.255.323	5.844.668.423
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.673.268.683	72.946.646.267
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>56.129.451.054</b>	<b>680.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		56.129.451.054	680.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>669.604.395</b>	<b>908.821.727</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.475.313.557	4.103.011.740
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.057.699.911	4.168.030.258
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	54.685.024	17.400.000
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.918.094.097)	(7.379.620.271)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>94.226.120.335</b>	<b>94.249.844.471</b>
1. Hàng tồn kho	141		108.840.242.606	109.020.339.897
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.614.122.271)	(14.770.495.426)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.849.724.409</b>	<b>12.685.490.147</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	390.792.246	456.401.841
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.816.499.121	11.669.444.822
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	642.433.042	559.643.484
4. Giao dịch mua lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>174.733.208.082</b>	<b>188.631.780.612</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>117.925.568.283</b>	<b>134.130.933.660</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	117.606.514.978	133.699.273.312
- Nguyên giá	222		405.735.648.666	415.293.329.213
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(288.129.133.688)	(281.594.055.901)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	319.053.305	431.660.348
- Nguyên giá	228		6.514.768.422	6.514.768.422
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.195.715.117)	(6.083.108.074)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.7	<b>13.380.169.682</b>	<b>13.380.169.682</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.380.169.682	13.380.169.682
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>31.268.662.212</b>	<b>28.523.809.971</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.908.445.812	14.757.456.971
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.395.180.000	15.395.180.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(34.963.600)	(1.628.827.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.158.807.905</b>	<b>12.596.867.299</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	12.158.807.905	12.596.867.299
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>351.968.632.281</b>	<b>375.947.251.647</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>10.094.248.268</b>	<b>10.102.345.274</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.483.902.630</b>	<b>4.440.535.868</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	489.133.638	505.576.402
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		154.587.420	93.407.420
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	252.061.976	1.005.823
4. Phải trả người lao động	314		427.434.337	436.941.016
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	340.794.902	205.098.820
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	2.544.149.183	2.685.365.218
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		275.741.174	513.141.174
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.610.345.638</b>	<b>5.661.809.406</b>
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.16	4.613.014.638	4.623.690.906
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.15	997.331.000	1.038.118.500
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>V.17</b>	<b>341.874.384.013</b>	<b>365.844.906.373</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>341.874.384.013</b>	<b>365.844.906.373</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		330.002.590.000	330.002.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		330.002.590.000	330.002.590.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72.687.827.370	72.687.827.370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(863.138.686)	(863.138.686)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		67.859.802.989	67.859.802.989
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(127.812.697.660)	(103.842.175.300)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(103.842.175.300)	(73.675.095.051)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(23.970.522.360)	(30.167.080.249)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>351.968.632.281</b>	<b>375.947.251.647</b>

Người lập biểu



Trần Thị Thu Trâm

Kế toán trưởng



Trần Thị Mỹ Hạnh

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Minh Hằng



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.836.710.093	2.127.943.650
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.836.710.093	2.127.943.650
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	234.990.806	192.127.044
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.601.719.287	1.935.816.606
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.305.276.305	4.587.908.030
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1.593.863.400)	244.162.629
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		94.168.841	(6.417.162.748)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	32.421.252.276	45.659.660.117
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.826.224.443)	(45.797.260.858)
12. Thu nhập khác	31	VI.5	1.845.025.815	9.095.020.439
13. Chi phí khác	32	VI.6	-	3.526.397.872
14. Lợi nhuận khác	40		1.845.025.815	5.568.622.567
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(23.981.198.628)	(40.228.638.291)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(10.676.268)	(10.347.158.042)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(23.970.522.360)	(29.881.480.249)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(23.970.522.360)	(29.881.480.249)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(727)	(907)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(727)	(907)

Người lập biểu



Trần Thị Thu Trâm

Kế toán trưởng



Trần Thị Mỹ Hạnh

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Minh Hằng

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(23.981.198.628)	(40.228.638.291)
2. Điều chỉnh cho các khoản			9.723.891.347	15.225.064.293
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		16.186.361.378	18.829.527.573
- Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	03		(1.327.461.570)	8.252.352.740
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(268.059.648)	(380.041.905)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.866.948.813)	(11.476.774.115)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(14.257.307.281)	(25.003.573.998)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(356.354.011)	317.372.475
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		180.097.291	835.437.373
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		261.409.316	(232.951.691)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		503.668.989	1.965.648.138
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(237.400.000)	(149.475.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(13.905.885.696)</b>	<b>(22.267.542.703)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2.344.767.701)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.851.851.852	7.404.634.560
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(119.668.426.749)	(48.060.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		64.218.975.695	113.348.685.907
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.056.820.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.990.315.936	4.109.757.455
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(51.664.103.266)</b>	<b>74.458.310.221</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(65.569.988.962)</b>	<b>52.190.767.518</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>78.791.314.690</b>	<b>26.403.193.718</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>139.198.278</b>	<b>197.353.454</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>13.360.524.006</b>	<b>78.791.314.690</b>

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Trần Thị Thu Trâm

Kế toán trưởng

Trần Thị Mỹ Hạnh

Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Minh Hằng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300742387 đăng ký lần đầu ngày 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 21 mã số doanh nghiệp 0300742387 ngày 29/07/2025 do Sở Tài Chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại : 330.002.590.000 VND  
ngày 31/12/2025

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 : 330.002.590.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 29 người. (31/12/2024: 31 người).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, sản xuất.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận xuất khẩu, nhập khẩu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: Công nghiệp dệt vải các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi, bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn, loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở; trừ bán lẻ các sản phẩm như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý, đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, kim loại hoặc bằng các vật liệu khác;
- Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý môi giới các sản phẩm may mặc (trừ bán các sản phẩm như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải);
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của Pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết Quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. Chi tiết: dịch vụ y tế và nha khoa, dịch vụ y tế đa khoa, dịch vụ y tế chuyên khoa;

11729  
NG TY  
NH  
UTU V  
H KẾ T  
M TOÁ  
A NAM  
HỒ C



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ kho bãi (CPC 742);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 7480);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Dịch vụ thuê hoặc cho thuê máy móc thiết bị khác không có người điều hành (CPC 83109);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Giáo dục thể thao và giải trí.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:** 12 tháng

### 5. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 2 công ty con trực tiếp và 1 công ty liên kết với chi tiết như sau:

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 2 công ty

Tổng số các Công ty con đầu tư trực tiếp: 2 công ty.

### Danh sách Công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất

- (1) Công ty TNHH Garmex Quảng Nam

- + Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- + Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ: 100%

- (2) Công ty TNHH May Tân Mỹ

- + Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Phường Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- + Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ: 100%

### Danh sách Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Phú Mỹ

- + Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Phường Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 27,39%
- + Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ: 27,39%

**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

Tên	Địa chỉ
Nhà Máy May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường Bình Tây, TP. Hồ Chí Minh
Nhà Máy May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Logistics An Nhơn	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Logistics Hồng Bàng	213 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

##### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

##### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

##### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

##### a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:** phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025*

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 08 năm
- Tài sản vô hình	03 - 05 năm

### 6. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

#### b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

#### c. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

050112  
CÔNG  
TINH  
CHÍNH  
PHIẾ  
PHIA  
T.P.H



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### 11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025*

### 16. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ là Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn và Báo cáo tài chính của các Công ty con Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty con và Công ty mẹ, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

172  
IG T  
VHH  
UTU  
IH K  
EM T  
IA N  
P H

**Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025**

## Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt (*)	28.217.892	66.225.640
Tiền gửi ngân hàng (**)	5.659.037.431	5.778.442.783
Tiền gửi VND	1.264.517.400	1.522.954.105
Tiền gửi ngoại tệ	4.394.520.031	4.255.488.678
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tiết kiệm <= 3 tháng)	7.673.268.683	72.946.646.267
Tổng cộng	13.360.524.006	78.791.314.690

(\*\*) Tiền gửi Ngân hàng phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng tại ngày 31/12/2025.

**2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	56.129.451.054	680.000.000	680.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn > 3 tháng	56.129.451.054	680.000.000	680.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.129.451.054</b>	<b>680.000.000</b>	<b>680.000.000</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý
	15.908.445.812	-	15.908.445.812	14.757.456.971	-	14.757.456.971
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>						
Công ty Cổ phần Phú Mỹ (*)	15.908.445.812	-	15.908.445.812	14.757.456.971	-	14.757.456.971
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	15.395.180.000	(34.963.600)	15.360.216.400	15.395.180.000	(1.628.827.000)	13.766.353.000
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (56.920 cổ phiếu)	1.269.730.000	-	1.269.730.000	1.269.730.000	-	1.269.730.000
Ngân Hàng TMCP Việt Á (381.066 Cổ phiếu)	3.998.050.000	(34.963.600)	3.963.086.400	3.998.050.000	(1.628.827.000)	2.369.223.000
Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Gia Định (843.950 Cổ phiếu)	10.127.400.000	-	10.127.400.000	10.127.400.000	-	10.127.400.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.303.625.812</b>	<b>(34.963.600)</b>	<b>31.268.662.212</b>	<b>30.152.636.971</b>	<b>(1.628.827.000)</b>	<b>28.523.809.971</b>

**Ghi chú:**  
(\*) Do công ty chưa công bố báo cáo kiểm toán năm 2025, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty hiện đang được xác định căn cứ vào báo cáo kiểm toán năm 2024.

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	4.475.313.557	4.103.011.740
<i>Bên liên quan</i>	265.804.500	-
Công Ty Cổ Phần Vinaprint	265.804.500	-
<i>Bên thứ ba</i>	4.209.509.057	4.103.011.740
Topo Designs	4.071.336.819	3.942.375.503
Công Ty TNHH JSP Việt Nam	133.066.217	133.066.217
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	4.100.968	4.100.968
Công Ty TNHH Sỹ Nam	1.005.053	1.005.053
<i>Phải thu khác</i>	-	22.463.999



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

### 4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>54.685.024</b>	-	<b>17.400.000</b>	-
- <b>Tạm ứng</b>	<b>10.900.000</b>	-	<b>17.400.000</b>	-
+ Nguyễn Anh Tuấn	10.000.000	-	10.000.000	-
+ Ca Thanh Phú	-	-	5.000.000	-
+ Nguyễn Thị Trúc Ly	900.000	-	900.000	-
+ Lê Ngọc Cẩm	-	-	1.500.000	-
- Phải thu khác	43.785.024	-	-	-
Trong đó:				
+ Trích trước lãi tiền gởi tiết kiệm	43.785.024	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.685.024</b>	-	<b>17.400.000</b>	-

### 5. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi, trong đó:	7.918.094.097	-	7.789.132.781	409.512.510
+ Topo Designs	4.071.336.819	-	3.942.375.503	-
+ Công Ty TNHH JSP Việt Nam	133.066.217	-	133.066.217	-
+ Công Ty TNHH Sỹ Nam	1.005.053	-	1.005.053	-
+ Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	4.100.968	-	4.100.968	-
+ Công Ty TNHH Công Nghệ A.N.S.I	25.642.500	-	25.642.500	-
+ Công Ty TNHH SX DV TM Cách Kiệm	75.000.000	-	75.000.000	-
+ Công Ty Cổ Phần Tin Học Lạc Việt	741.727.000	-	741.727.000	-
+ Công Ty TNHH Kiến Trúc Mỹ Phú	125.400.000	-	125.400.000	-
+ Trung Tâm Thiết Bị PCCC 4/10	1.768.852.080	-	1.768.852.080	117.923.472
+ Công Ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Đại Nghĩa Thành	105.299.460	-	105.299.460	31.589.838
+ Công Ty TNHH Thương Mại Hưng Thảo	866.664.000	-	866.664.000	259.999.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.918.094.097</b>	-	<b>7.789.132.781</b>	<b>409.512.510</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

### 6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	59.095.242	-	59.095.242	-
- Công cụ, dụng cụ	1.609.564.253	-	1.626.833.805	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	85.817.638.575	(14.614.122.271)	85.974.011.730	(14.770.495.426)
- Hàng hóa	115.151.858	-	121.606.442	-
- Hàng gửi đi bán	21.238.792.678	-	21.238.792.678	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.840.242.606</b>	<b>(14.614.122.271)</b>	<b>109.020.339.897</b>	<b>(14.770.495.426)</b>

### 7. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Xây dựng cơ bản dở dang	13.380.169.682	13.380.169.682	13.380.169.682	13.380.169.682
Trong đó:				
+ Xây dựng cơ bản dở dang	13.380.169.682	13.380.169.682	13.380.169.682	13.380.169.682
- Quyền sử dụng đất tại 213 Hồng Bàng, Q5 (*)	10.020.000.000	10.020.000.000	10.020.000.000	10.020.000.000
- Tiền đất xây dựng nhà ở cho công nhân tại Cụm Công Nghiệp Hắc Dịch (**)	1.830.600.000	1.830.600.000	1.830.600.000	1.830.600.000
- Xây dựng cơ bản 213 Hồng Bàng	1.529.569.682	1.529.569.682	1.529.569.682	1.529.569.682
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.380.169.682</b>	<b>13.380.169.682</b>	<b>13.380.169.682</b>	<b>13.380.169.682</b>

#### Ghi chú:

(\*) Đây là số tiền Công ty đã nộp vào Ngân sách Nhà nước theo thông báo định giá quyền sử dụng đất tại 213 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5 (đã hết hiệu lực), hiện công ty đang trong quá trình chờ hướng dẫn chỉ đạo tiếp theo từ các cơ quan ban ngành có liên quan.

(\*\*) Đây là số tiền Công ty đã thanh toán cho Công ty cổ phần Phú Mỹ để mua hai thửa đất số 479 và 450 tại Tổ 8, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xây dựng nhà ở cho công nhân.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### 8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu năm	228.019.230.130	153.802.766.928	16.752.999.045	16.718.333.110	-	415.293.329.213
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	9.557.680.547	-	-	-	9.557.680.547
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.557.680.547	-	-	-	9.557.680.547
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	228.019.230.130	144.245.086.381	16.752.999.045	16.718.333.110	-	405.735.648.666
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	106.278.503.767	145.459.681.731	15.536.583.080	14.319.287.323	-	281.594.055.901
2. Khấu hao trong kỳ	8.392.815.250	6.102.040.577	522.576.012	1.056.322.496	-	16.073.754.335
- Khấu hao tăng trong kỳ	8.392.815.250	6.102.040.577	522.576.012	1.056.322.496	-	16.073.754.335
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	9.538.676.548	-	-	-	9.538.676.548
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.538.676.548	-	-	-	9.538.676.548
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	114.671.319.017	142.023.045.760	16.059.159.092	15.375.609.819	-	288.129.133.688
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
1. Tại ngày đầu năm	121.740.726.363	8.343.085.197	1.216.415.965	2.399.045.787	-	133.699.273.312
2. Tại ngày cuối kỳ	113.347.911.113	2.222.040.621	693.839.953	1.342.723.291	-	117.606.514.978

Ghi chú: Trong năm 2025, Công ty hạch toán khấu hao tài sản cố định trong giai đoạn thu hẹp hoạt động vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### 9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	6.514.768.422	6.514.768.422
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	6.514.768.422	6.514.768.422
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	6.083.108.074	6.083.108.074
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	-	112.607.043	112.607.043
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	-	-	112.607.043	112.607.043
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	6.195.715.117	6.195.715.117
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	431.660.348	431.660.348
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	319.053.305	319.053.305

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

### 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>390.792.246</b>	<b>456.401.841</b>
- Công cụ, dụng cụ	-	85.837.494
- Chi phí khác	390.792.246	370.564.347
<b>b. Dài hạn</b>	<b>12.158.807.905</b>	<b>12.596.867.299</b>
- Quyền SD đất tại Hắc Dịch- Bà Rịa Vũng Tàu	6.960.992.677	7.195.632.880
- Quyền SD đất tại Huyện Thăng Bình -Quảng Nam	5.163.946.664	5.302.266.664
- Máy móc thiết bị	-	-
- Công cụ, dụng cụ	25.874.609	69.697.139
- Phần mềm	-	-
- Chi phí khác	7.993.955	29.270.616
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.549.600.151</b>	<b>13.053.269.140</b>

**Ghi chú:** Trong năm 2025, Công ty hạch toán phân bổ công cụ dụng cụ trong giai đoạn thu hẹp hoạt động vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

### 11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>489.133.638</b>	<b>489.133.638</b>	<b>505.576.402</b>	<b>505.576.402</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>33.038.187</b>	<b>33.038.187</b>	<b>33.189.591</b>	<b>33.189.591</b>
- Công Ty CP Phú Mỹ	33.038.187	33.038.187	33.189.591	33.189.591
<b>Bên thứ ba</b>	<b>456.095.451</b>	<b>456.095.451</b>	<b>472.386.811</b>	<b>472.386.811</b>
- Công Ty TNHH MTV Phát triển Công Nghệ Môi Trường Bách Khoa	32.745.800	32.745.800	32.745.800	32.745.800
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Điện Xanh	7.775.297	7.775.297	6.595.113	6.595.113
- Công Ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Long Hoàng	200.880.000	200.880.000	200.880.000	200.880.000
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bao Bì Thuận Lợi Phát	19.129.200	19.129.200	19.129.200	19.129.200
- Công Ty Đầu Giá Hợp Danh Minh Phát	-	-	25.000.000	25.000.000
- Công Ty TNHH Xây Dựng Huy Thước	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
- Công Ty CP Tư Vấn Đầu Tư Thiên Phú Gia	7.454.545	7.454.545	7.454.545	7.454.545
- Đối tượng khác	108.110.609	108.110.609	100.582.153	100.582.153
<b>Cộng</b>	<b>489.133.638</b>	<b>489.133.638</b>	<b>505.576.402</b>	<b>505.576.402</b>

### 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU, PHẢI NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
<b>a. Phải nộp</b>	<b>1.005.823</b>	<b>3.756.605.822</b>	<b>3.505.549.669</b>	<b>252.061.976</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	393.831.217	393.831.217	-
+ Thực nộp bằng tiền	-	586.184	586.184	-
+ Được khấu trừ	-	393.245.033	393.245.033	-
Thuế thu nhập cá nhân (GMC Sài Gòn)	1.005.823	251.056.153	-	252.061.976
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.095.258.452	3.095.258.452	-
Thuế môn bài	-	16.460.000	16.460.000	-
<b>b. Phải thu</b>	<b>559.643.484</b>	<b>63.722.858</b>	<b>146.512.416</b>	<b>642.433.042</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	447.199.792	-	-	447.199.792
Thuế thu nhập cá nhân (Tân Mỹ)	112.443.692	63.722.858	29.191.475	77.912.309
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	117.320.941	117.320.941

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

### 13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>340.794.902</b>	<b>205.098.820</b>
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	65.593.576	55.233.423
- Chi phí dịch vụ kiểm toán	150.000.000	80.000.000
- Chi phí phải trả khác	125.201.326	69.865.397
<b>Cộng</b>	<b>340.794.902</b>	<b>205.098.820</b>

### 14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.544.149.183</b>	<b>2.685.365.213</b>
- Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT...	934.065.641	932.476.671
- Khoản trích thù lao HĐQT-BKS	1.520.540.117	1.663.340.117
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	89.543.425	89.548.425

### 15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Trợ cấp mất việc làm	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>997.331.000</b>	<b>1.038.118.500</b>
- Trợ cấp thôi việc, mất việc, phép	997.331.000	1.038.118.500
<b>Cộng</b>	<b>997.331.000</b>	<b>1.038.118.500</b>

### 16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khấu trừ	533.799.067	207.623.700
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	533.799.067	207.623.700
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	5.146.813.705	4.831.314.606
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	533.799.067	207.623.700
<b>Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>4.613.014.638</b>	<b>4.623.690.906</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

### 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 17.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
<b>a. Số dư đầu năm trước</b>	<b>330.002.590.000</b>	<b>72.687.827.370</b>	<b>(863.138.686)</b>	<b>(3.633.923.483)</b>	<b>67.859.802.989</b>	<b>(73.675.095.051)</b>	<b>392.378.063.139</b>
- Tăng trong năm trước	-	-	-	3.633.923.483	-	(29.881.480.249)	(26.247.556.766)
- Lỗ tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	(29.881.480.249)	(29.881.480.249)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	3.633.923.483	-	-	3.633.923.483
- Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	(285.600.000)	(285.600.000)
- Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(285.600.000)	(285.600.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>b. Số dư đầu năm nay</b>	<b>330.002.590.000</b>	<b>72.687.827.370</b>	<b>(863.138.686)</b>	<b>-</b>	<b>67.859.802.989</b>	<b>(103.842.175.300)</b>	<b>365.844.906.373</b>
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	(23.970.522.360)	(23.970.522.360)
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	(23.970.522.360)	(23.970.522.360)
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-
<b>c. Số dư cuối kỳ này</b>	<b>330.002.590.000</b>	<b>72.687.827.370</b>	<b>(863.138.686)</b>	<b>-</b>	<b>67.859.802.989</b>	<b>(127.812.697.660)</b>	<b>341.874.384.013</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

### 17.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	330.002.590.000	330.002.590.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	330.002.590.000	330.002.590.000
<b>b. Cổ tức lợi nhuận đã chia</b>	-	-

### 17.3. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.000.259	33.000.259
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.000.259	33.000.259
+ Cổ phiếu phổ thông	33.000.259	33.000.259
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu quỹ	(49.260)	(49.260)
+ Cổ phiếu phổ thông	(49.260)	(49.260)
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.950.999	32.950.999
+ Cổ phiếu phổ thông	32.950.999	32.950.999
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

### 17.4. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	67.859.802.989	67.859.802.989
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	275.741.174	513.141.174
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

### 18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- USD (nguyên tệ)	168.520,92	168.534,12



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

#### 1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

##### 1.1. Doanh thu bên thứ ba

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	7.327.303	1.628.796.307
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	387.089.296	397.859.695
- Doanh thu nhà thuốc	313.176.333	101.287.648
<b>Cộng</b>	<b>707.592.932</b>	<b>2.127.943.650</b>

##### 1.2. Doanh thu các bên liên quan

- Công Ty Cổ Phần Vinaprint	1.129.117.161	
<b>Cộng</b>	<b>1.129.117.161</b>	
<b>Tổng cộng doanh thu</b>	<b>1.836.710.093</b>	<b>2.127.943.650</b>

#### 2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp	391.363.961	1.010.603.852
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(156.373.155)	(818.476.808)
<b>Cộng</b>	<b>234.990.806</b>	<b>192.127.044</b>

#### 3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.008.476.823	4.072.139.555
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.614.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	176.188	135.726.570
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	268.059.648	380.041.905
- Chiết khấu thanh toán	2.949.646	-
<b>Cộng</b>	<b>3.305.276.305</b>	<b>4.587.908.030</b>

#### 4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí dự phòng	907.362.000	100.818.000
- Hoàn nhập phòng đầu tư tài chính	(2.501.225.400)	(655.317.000)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	798.661.629
<b>Cộng</b>	<b>(1.593.863.400)</b>	<b>244.162.629</b>

#### 5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.832.847.853	7.404.634.560
- Thanh lý, hàng tồn kho (thành phẩm, nguyên phụ liệu)	-	1.519.000.400
- Thanh lý, nhượng bán CCDC	10.740.741	168.504.543
- Thu nhập khác	1.437.221	2.880.936
<b>Cộng</b>	<b>1.845.025.815</b>	<b>9.095.020.439</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

#### 6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán nguyên phụ liệu, vật tư thanh lý	-	3.515.040.124
- Thanh lý, nhượng bán CCDC	-	9.578.034
- Chi phí khác	-	1.779.714
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.526.397.872</b>

#### 7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
<i>Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ</i>	<i>32.421.252.276</i>	<i>45.659.660.117</i>
Chi phí nhân viên quản lý	6.392.963.905	6.928.840.802
Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	191.194.346	1.479.314.148
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.186.361.378	18.829.527.573
Chi phí dự phòng	538.473.826	3.485.998.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.121.187.805	6.386.743.283
Chi phí bằng tiền khác	3.991.071.016	8.549.235.511

#### 8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191.194.346	380.154.600
- Chi phí nhân công	6.392.963.905	6.928.840.802
- Chi phí khấu hao TSCĐ	16.186.361.378	18.829.527.573
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.362.350.954	6.468.435.435
- Chi phí dự phòng	538.473.826	3.485.998.800
- Chi phí khác	3.991.071.016	8.549.235.511
<b>Cộng</b>	<b>32.662.415.425</b>	<b>46.122.283.869</b>

#### 9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

#### 10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	315.499.099	1.283.432.551
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.157.500	92.149.256
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(334.332.867)	(9.909.600)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(11.712.830.249)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(10.676.268)</b>	<b>(10.347.158.042)</b>

#### 11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	(23.970.522.360)	(29.881.480.249)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.950.999	32.950.999
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(727)</b>	<b>(907)</b>

#### 12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(23.970.522.360)	(29.881.480.249)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.950.999	32.950.999
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(727)</b>	<b>(907)</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

- Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai: Không có
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không có
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ  
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường
- Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ  
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Năm nay

-

Năm nay

-

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác: Không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:  
Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thay đổi các ước tính kế toán: Không có
- Thông tin về các bên liên quan

#### Bên liên quan

#### Mối quan hệ

Công Ty Cổ Phần Transimex

Đồng nhân sự chủ chốt

Công Ty Cổ Phần Vinaprint

Đồng nhân sự chủ chốt

Công Ty Cổ Phần Phú Mỹ

Công ty liên kết

#### Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công Ty Cổ Phần Vinaprint	Lợi nhuận được chia	1.129.117.161	-
Công Ty Cổ Phần Phú Mỹ	Dịch vụ khu công nghiệp	367.867.836	335.903.947

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty Cổ Phần Vinaprint	Khoản phải thu khách hàng	265.804.500	-

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty Cổ Phần Phú Mỹ	Khoản phải trả	33.038.187	33.189.591

- Thù lao, thưởng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong kỳ như sau:

#### Thù lao, thưởng thành viên Hội đồng Quản Trị

Bùi Minh Tuấn

Thành viên HĐQT

Năm nay

Năm trước

-

60.000.000





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Nguyễn Thị Diễm My	Thành viên HĐQT	-	30.000.000
Trần Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000
Trần Vũ	Thành viên HĐQT (từ ngày 27/09/2023 đến 27/06/2024)	-	30.000.000

### Thù lao, thưởng thành viên Ban Kiểm Soát

Phan Thị Phụng	Trưởng BKS (đến ngày 27/06/2024)	-	24.000.000
Lê Thị Chín	Thành viên (đến ngày 27/06/2024)	-	14.400.000
Từ Vĩ Trí	Trưởng BKS	-	38.400.000
Mai Thanh Tol	Thành viên	-	14.400.000
Trần Thị Thu Yến	Thành viên	-	14.400.000

### Lương, Thưởng của Tổng Giám Đốc và người quản lý khác

Nguyễn Minh Hằng	Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc Tài Chính	907.590.772	978.045.447
------------------	---------------------------------------	-------------	-------------

## 5. Thông tin về Báo cáo bộ phận

### a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm trong ngành may mặc. Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

### b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Ban Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

## 6. Quản lý rủi ro của công ty

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

### 6.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### a. *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Độ nhạy về ngoại tệ: Đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

### b. *Rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính không đáng kể.

### c. *Rủi ro về giá*

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu:*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

#### *Rủi ro về giá bất động sản:*

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.
- Rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

### 6.2. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### *a. Đối với khoản phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *b. Đối với tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

### 6.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	489.133.638	-	-	489.133.638
Chi phí phải trả	340.794.902	-	-	340.794.902
Các khoản phải trả khác	2.544.149.183	-	-	2.544.149.183
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	505.576.402	-	-	505.576.402
Chi phí phải trả	205.098.820	-	-	205.098.820
Các khoản phải trả khác	2.685.365.213	-	-	2.685.365.213

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 7. Tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.360.524.006	78.791.314.690	13.360.524.006	78.791.314.690
Phải thu khách hàng	4.475.313.557	4.103.011.740	4.475.313.557	4.103.011.740
Trả trước cho người bán	4.057.699.911	4.168.030.258	4.057.699.911	4.168.030.258
Các khoản phải thu khác	54.685.024	17.400.000	54.685.024	17.400.000
<b>Cộng</b>	<b>21.948.222.498</b>	<b>87.079.756.688</b>	<b>21.948.222.498</b>	<b>87.079.756.688</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	489.133.638	505.576.402	489.133.638	505.576.402
Người mua trả tiền trước	154.587.420	93.407.420	154.587.420	93.407.420
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người lao động	427.434.337	436.941.016	427.434.337	436.941.016
Chi phí phải trả khác	340.794.902	205.098.820	340.794.902	205.098.820
Các khoản phải trả khác	2.544.149.183	2.685.365.213	2.544.149.183	2.685.365.213
<b>Cộng</b>	<b>3.956.099.480</b>	<b>3.926.388.871</b>	<b>3.956.099.480</b>	<b>3.926.388.871</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2025 kết thúc tại ngày 31/12/2025

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. Điều chỉnh trong báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của kỳ này: Không có.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Hiện Công ty thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, nhưng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2025 và Báo cáo Quản trị số 04/BC-HĐQT/2025, Công ty vẫn tiếp tục tiết giảm chi phí, tăng cường công tác bảo quản tài sản, thanh lý máy móc thiết bị không sử dụng, kinh doanh bán lẻ thuốc,... nên hiện không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động. Vì vậy, Báo cáo này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

10. Thông tin về số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán.

Người lập biểu

Trần Thị Thu Trâm

Kế toán trưởng

Trần Thị Mỹ Hạnh

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2026  
Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc  
Tài chính



Nguyễn Minh Hằng